Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8453.80.10

Mã HS	8453.80.10
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để sơ chế, thuộc da hoặc chế biến da sống hoặc da thuộc hoặc máy để sản xuất hoặc sửa chữa giày dép hoặc các sản phẩm khác từ da sống hoặc da thuộc, trừ các loại máy khâu / - Máy khác: / - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 00:27:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84538010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14054
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14054
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14054
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13379
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13320
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13320
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13320
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13320
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13320
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13320
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13374
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13374

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13374
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13374
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13374
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13374
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13375
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13375
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13375
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13375
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13375
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13375
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13378
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13326
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13334
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13334
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13334
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13334
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13334
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13334
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13365
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13365
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13365
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13365
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13365
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13365
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13414
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13414

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13414
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13414
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13414
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13414
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13397
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13397
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13397
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13397
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13397
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13397
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13397
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13397
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13397
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13397
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13397
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13397
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13412
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13412
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13412
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13412
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13412
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13412
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13411
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13411
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13411
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13411

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13411
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13411
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13391
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13391
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13391
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13391
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13391
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13391
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13391
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13399
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13399
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13399
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13399
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13399
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13399
RCEP B	2022	2022	0	B!D13399
RCEP B	2023	2023	0	B!E13399
RCEP B	2024	2024	0	B!F13399
RCEP B	2025	2025	0	B!G13399
RCEP B	2026	2026	0	B!H13399
RCEP B	2027	2027	0	B!I13399
RCEP C	2022	2022	0	C!D13399
RCEP C	2023	2023	0	C!E13399
RCEP C	2024	2024	0	C!F13399
RCEP C	2025	2025	0	C!G13399
RCEP C	2026	2026	0	C!H13399

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13399
RCEP D	2022	2022	0	D!D13398
RCEP D	2023	2023	0	D!E13398
RCEP D	2024	2024	0	D!F13398
RCEP D	2025	2025	0	D!G13398
RCEP D	2026	2026	0	D!H13398
RCEP D	2027	2027	0	D!I13398
RCEP E	2022	2022	0	E!D13402
RCEP E	2023	2023	0	E!E13402
RCEP E	2024	2024	0	E!F13402
RCEP E	2025	2025	0	E!G13402
RCEP E	2026	2026	0	E!H13402
RCEP E	2027	2027	0	E!I13402
RCEP F	2022	2022	0	F!D13399
RCEP F	2023	2023	0	F!E13399
RCEP F	2024	2024	0	F!F13399
RCEP F	2025	2025	0	F!G13399
RCEP F	2026	2026	0	F!H13399
RCEP F	2027	2027	0	F!I13399
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12432
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12432
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12432
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12432

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8453.80 có 2 dòng thuế; dòng 8453.80.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8453.80.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8453.80.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8453.80.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14054), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.